HƯỚNG DẪN NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ GIA ĐÌNH VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Nhà xuất bản Y học
Hà Nội, 2008

Chỉ đạo biên soạn

TS. Nguyễn Thị Xuyên	Thứ trưởng Bộ Y tế
TS. Trần Quý Tường	Cục Quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế

Ban biên soạn

Ths. Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa PHCN Bệnh viện C – Đà Nẵng
PGS – TS Cao Minh Châu	Bộ môn PHCN - Đại học Y Hà Nội
TS. Trần Văn Chương	Trung tâm PHCN – Bv Bạch Mai
TS. Trần Thị Thu Hà	Khoa PHCN – Viện Nhi Trung ương
PGS – TS. Vũ Thị Bích Hạnh	Bộ môn PHCN - Đại học Y Hà Nội
PGS-TS. Trần Trọng Hải	Vụ quan hệ Quốc tế - Bộ Y tế
Ths. Trần Quốc Khánh	Bộ môn PHCN - Đại học Y Huế
TS. Phạm Thị Nhuyên	Bộ môn PHCN - Đại học KTYT Hải Dương
Ths. Nguyễn Quốc Thới	Trường trung học Y tế tỉnh Bến Tre
TS. Nguyễn Thị Minh Thủy	Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội

Thư ký ban biên soạn

Ths. Trần Ngọc Nghị	Cục Quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế

Với sự tham gia của Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam:

Ths. Phạm Dũng	Điều phối viên chương trình PHCNDVCĐ
Ths. Anneke Maarse	Cố vấn cao cấp chương trình PHCNDVCĐ
TS. Maya Thomas	Chuyên gia của tổ chức Y tế thế giới

HƯỚNG DẪN NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ GIA ĐÌNH VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Hà Nội, 2008

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU **7**

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHUYẾT TẬT VÀ PHCNDVCĐ **9**

1. Giới thiệu về khuyết tật **9**

1.1. Khái niệm khuyết tật 9

1.2. Các dạng khuyết tật thường gặp ở Việt Nam 11

1.3. Nguyên nhân gây khuyết tật và biện pháp phòng ngừa 12

1.4. Thực trạng Người khuyết tật và gia đình tại Việt Nam 13

2. Giới thiệu về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng **17**

2.1. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng là gì? 17

2.2. Sơ lược về các giai đoạn phát triển của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại Việt Nam 17

2.3. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đến 2010 17

2.4. Những người tham gia chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 17

2.5. Các hoạt động trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 18

2.6. Tài chính cho chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 18

2.7. Trợ giúp cho người khuyết tật và gia đình 19

2.8. Hệ thống trợ giúp người khuyết tật tại gia đình 20

CHƯƠNG II: NHẬN THỨC VỀ KHUYẾT TẬT **21**

Tại sao phải tăng cường nhận thức cho mọi người về vấn đề khuyết tật? **21**

Làm thế nào để tăng cường nhận thức của các thành viên cộng đồng về khuyết tật? **23**

1. Quyền của người khuyết tật **24**

1.1 Quyền con người 25

1.2. Công ước về Quyền trẻ em 25

1.3. Quyền của trẻ khuyết tật / người khuyết tật Việt nam 26

1.4. Một số văn bản và chính sách về người khuyết tật 27

2. Việc làm cho người khuyết tật **28**

2.1. Tại sao NKT cần có việc làm? 28

2.2. Người khuyết tật có thể làm được việc gì? 29

2.3. Ai có thể giúp NKT có việc làm? 30

2.4. Tổ chức việc làm cho người khuyết tật như thế nào? 30

2.5. Các nhóm việc làm cho các dạng tật khác nhau 31

3. Vui chơi giải trí, thể thao của người khuyết tật 32
3.1. Tầm quan trọng của vui chơi, giải trí và thể thao đối với người khuyết tật/trẻ khuyết tật 32
3.2. Những hoạt động có thể chọn lựa 34
3.3. Tổ chức vui chơi, giải trí, thể thao cho người khuyết tật/trẻ khuyết tật 34

4. Nhóm tự lực/Hội người khuyết tật/hội cha mẹ trẻ khuyết tật 35
4.1. Nhóm tự lực và Hội người khuyết tật là gì? 35
4.2. Ý nghĩa của nhóm tự lực/Hội người khuyết tật đối với người khuyết tật 36
4.3. Thành phần của nhóm tự lực/ Hội người khuyết tật 38
4.4. Duy trì hoạt động của nhóm tự lực và hội người khuyết tật 39

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTV: Cộng tác viên
JICA: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
MCNV: Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam
NKT: Người khuyết tật
NKT/TKT: Người khuyết tật/ Trẻ khuyết tật
PHCN: Phục hồi chức năng
PHCNDVCĐ: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
TKT: Trẻ khuyết tật
UBND: Ủy ban nhân dân
UNDP: Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
UNICEF: Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
USAID: Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm đáp ứng yêu cầu về một bộ tài liệu về PHCNDVCĐ với nội phù hợp với điều kiện khuyết tật và được sử dụng thống nhất trong chương trình PHCNDVCĐ tại Việt Nam, Cục quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế đã chỉ đạo và tổ chức biên soạn một bộ tài liệu chuẩn của chương trình. Bộ tài liệu này bao gồm:

- Tài liệu "Hướng dẫn quản lý và thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng", dành cho các cán bộ quản lý và lập kế hoạch cho chương trình PHCNDVCĐ
- Tài liệu "Đào tạo nhân lực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng", dánh cho các giảng viên về PHCNDVCĐ.
- Tài liệu "Hướng dẫn cán bộ PHCN và cộng tác viên về PHCNDVCĐ"
- Tài liệu "Hướng dẫn người khuyết tật và gia đình về PHCNDVCĐ"
- 20 cuốn sổ tay nhỏ cung cấp kiến thức về PHCN những loại khuyết tật thường gặp tại cộng đồng.

Bộ tài liệu đã được biên soạn bởi một nhóm các chuyên gia nhiều kinh nghiệm về PHCN và PHCNDVCĐ của Bộ Y tế, cùng với sự giúp đỡ của chuyên gia quốc tế về PHCNDVCĐ. Uỷ ban Y tế Hà Lan - Việt Nam là cơ quan hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong quá trình soạn thảo bộ tài liệu theo chương trình hợp tác với Bộ Y tế về tăng cường năng lực PHCNDVCĐ.

Cuốn sách này là một tài liệu trong bộ tài liệu PHCNDVCĐ nói trên với đối tượng sử dụng là người khuyết tật và các thành viên trong gia đình. Nội dung của bộ tài liệu này được xây dựng dựa trên những tài liệu sẵn có về PHNCDVCĐ của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), và được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại Việt Nam.

Nội dung cuốn sách được chia thành 2 phần chính:

Phần 1: Giới thiệu chung về khuyết tật và PHCNDVCĐ, bao gồm các thông tin về:

- Khái niệm khuyết tật, các dạng tật thường gặp, nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật.

– Thông tin về PHCNDVCĐ ở Việt Nam, giúp cho người đọc hiểu được một cách cơ bản về sự cần thiết, bản chất và sự phát triển của chương trình PHNCDVCĐ ở Việt Nam, việc thực hiện chương trình và những lợi ích mà NKT có được khi tham gia chương trình.

Phần 2: Nhận thức về khuyết tật. Nội dung phần này giúp cho NKT và gia đình có được nhận thức đúng đắn về quyền của NKT, năng lực của NKT và những vấn đề liên quan giúp NKT hoà nhập tốt hơn trong cộng đồng như việc làm, vui chơi - giải trí cho NKT, vai trò của tổ chức của NKT …

Bất cứ một NKT nào và các thành viên trong gia đình đều cần tìm hiểu các kiến thức và thông tin trong tài liệu này. Cán bộ PHCNCĐ của tuyến xã cần giới thiệu và phát tài liệu này đến tận tay cho NKT và gia đình họ.

Bên cạnh đối tượng sử dụng chính của tài liệu là NKT và gia đình, cán bộ quản lý PHNCDVCĐ cũng có thể tham khảo tài liệu này để chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp, hội thảo và tập huấn về khuyết tật cho các đối tượng tại cộng đồng.

Trong lần đầu tiên xuất bản, mặc dù nhóm biên soạn đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót. Mong bạn đọc cung cấp những nhận xét, phản hồi cho chúng tôi để những lần tái bản sau, nội dung tài liệu được hoàn chỉnh hơn.

Mọi thông tin xin gửi về:
Cục Quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế
138 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHUYẾT TẬT VÀ PHCNDVCĐ

1. GIỚI THIỆU VỀ KHUYẾT TẬT

1.1. Khái niệm khuyết tật

Người khuyết tật là một người do khiếm khuyết hoặc các điều kiện/tình trạng sức khoẻ mà bị GIẢM CHỨC NĂNG (hoạt động) và /hoặc HẠN CHẾ sự tham gia trong các mặt sinh hoạt, lao động, học tập, đời sống xã hội.

Các yếu tố góp phần tạo nên khuyết tật bao gồm:

Khiếm khuyết (impairment)

Là tình trạng mất một phần cơ thể hay bất bình thường về tâm lý, sinh lý, cấu trúc giải phẫu hoặc liên quan đến chức năng của 1 phần thân thể.

Giảm chức năng

Sự giảm sút phạm vi hoạt động chức năng ở mức độ thân thể. Thực hiện các chức năng bị hạn chế có thể do hậu quả của khiếm khuyết hoặc môi trường.

Hạn chế sự tham gia

Do giảm khả năng và/hoặc các yếu tố (rào cản) môi trường, dẫn tới việc giảm hoặc mất một hoặc nhiều chức năng của người đó trong phạm vi tham gia các hoạt động xã hội thông thường, và giảm chất lượng cuộc sống của họ.

Các yếu tố môi trường

Môi trường cũng đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng tới NKT, hạn chế vận động, thậm chí ngay người không khuyết tật. Các yếu tố môi trường bao gồm:

- Môi trường tiếp cận: ví dụ như nhà cửa, đường sá, trường học... Một số người mặc dù bị khiếm khuyết nhưng sống trong một môl trường có điều kiện tiếp cận tốt nên có thể không bị hạn chế vận động, nhờ đó mà vẫn có thể tham gia được nhiều hoạt động. Trong khi đó, một số người khác cùng tình trạng khiếm khuyết nhưng do môl trường không có điều kiện tiếp cận nên không

thể đi lại, tham gia các hoạt động cộng đồng được.

- Môi trường xã hội: sự quan tâm của gia đình, của mọi người trong cộng đồng đối với NKT.
- Nhận thức, thái độ của NKT: Bản thân NKT không vượt qua được các rào cản của bản thân, gia đình và xã hội.

Một người được gọi là khuyết tật khi họ bị giảm chức năng và hạn chế sự tham gia các hoạt động xã hội, là kết quả của sự kết hợp tình trạng cá nhân như bệnh tật, chấn thương hoặc các rối loạn chức năng với các yếu tố môi trường cản trở .

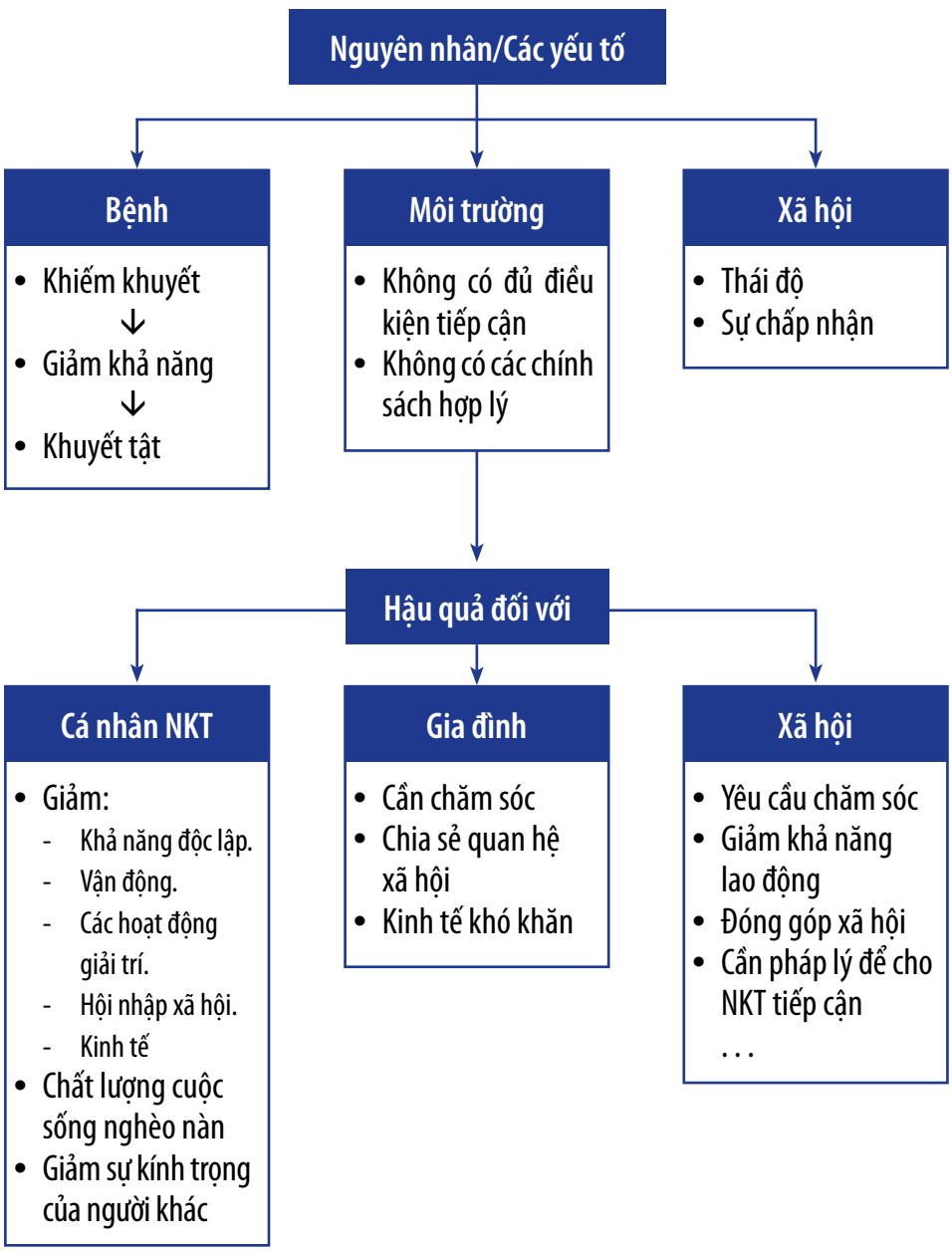

1.2. Các dạng khuyết tật thường gặp ở Việt Nam

Các tình trạng bệnh tật, chấn thương hoặc các rối loạn có thể dẫn tới:

Khuyết tật về vận động: bao gồm các dạng khuyết tật do các nguyên nhân như

- Các bệnh khớp, xương: viêm khớp, chấn thương, thoái hoá, gãy xương.
- Các bệnh cơ: viêm cơ, teo cơ tiến triển...
- Các bệnh về thần kinh: bại não, bại liệt, liệt nửa người, tổn thương thần kinh ngoại biên...
- Cắt cụt chi trên, chi dưới.

Khuyết tật các giác quan

- **Khó khăn về nhìn**
  - Mù hoàn toàn.
  - Khó khăn khi nhìn vật quá gần.
  - Khó khăn khi nhìn vật quá xa.
  - Khó khăn khi phân biệt màu sắc.
  - Khó khăn khi nhìn vùng mờ hay tối.
  - Nhìn hình đôi.
  - Mất cảm giác (bệnh phong)

Khó khăn về nói, giao tiếp

- Không thể nghe, không thể nói nhưng có thể hiểu (điếc câm hoàn toàn).
- Có thể nghe, có thể hiểu nhưng không nói được (câm).
- Chỉ nghe được một phần (điếc không hoàn toàn).
- Khó khăn về nghe ở các mức độ khác nhau (điếc, nghễnh ngãng...).
- Các dạng mất cảm giác khác.

Các dạng khuyết tật về nhận thức

- Hội chứng Down.
- Chậm phát triển trí tuệ

Các dạng khuyết tật về tâm thần

- Rối loạn hành vi, tự kỷ ở trẻ em.
- Các bệnh tâm thần, bao gồm cả tâm thần phân liệt.

Các dạng khuyết tật khác, không thuộc các nhóm trên như khuyết tật do tình trạng bệnh mãn tính ở các cơ quan nội tạng như suy tim, suy thận, suy hô hấp...

Đa khuyết tật: một người có từ 2 dạng khuyết tật trở lên như bại não ở trẻ em,liệt nửa người do tai biến mạch máu não ở người lớn, nhiễm độc Dioxin ...

1.3. Nguyên nhân gây khuyết tật và biện pháp phòng ngừa

TT	Nguyên nhân thường gặp	Biện pháp phòng ngừa
1	Các bệnh nhiễm trùng	Vệ sinh sạch sẽ môi trường, cung cấp nguồn nước sạch, xử lý rác thải đúng quy định, giáo dục sức khoẻ, tiêm chủng đầy đủ, đề phòng các bệnh nhiễm trùng.
2	Suy dinh dưỡng	Trẻ em được bú sữa mẹ đầy đủ, chế độ dinh dưỡng đảm bảo đầy đủ, tăng cường kiến thức dinh dưỡng, kiểm soát các bệnh đường ruột và tiêu chảy.
3	Tai nạn giao thông	Tuyên truyền giáo dục chấp hành luật lệ giao thông, nâng cấp sửa chữa mở rộng đường sá, xe cộ an toàn.
4	Tai nạn lao động	Chấp hành an toàn lao động, nâng cao điều kiện làm viêc. Mọi người phải chú ý khi làm việc.
5	Tai nạn trong sinh hoạt tại gia đình	Sắp xếp mọi thứ trong nhà ngăn nắp để phòng tai nạn, phòng cháy, an toàn khi sử dụng điện, bình gas, nước sôi...
6	Sử dụng các chất gây nghiện, sử dụng rượu quá mức	Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng về tác hại của các chất gây nghiện. Thi hành luật pháp có hiệu quả.
7	Các nguyên nhân trước khi sinh, trong khi sinh và sau khi sinh ở người mẹ mang thai	Đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em, giáo dục sức khoẻ cho bà mẹ khi mang thai, khám thai định kỳ, đề phòng lây nhiễm, chấn thương.
8	Ít quan tâm chăm sóc hoặc quan tâm chăm sóc trẻ em quá mức	Giáo dục, tuyên truyền cộng đồng về luật chăm sóc bảo vệ trẻ em.
9	Bất đồng nhóm máu giữa mẹ và con, hoặc vợ chồng có huyết thống gần nhau	Tư vấn cho các đôi lứa trước khi chuẩn bị lấy nhau, truyên truyền cộng đồng về ảnh hưởng khi lấy nhau cùng huyết thống.
10	Đói nghèo	Thực hiện chương trình xoá đối giảm nghèo của chính phủ.
11	Thái độ của gia đình, xã hội, và cộng đồng đối với khuyết tật và phòng ngừa khuyết tật	Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về khuyết tật và phòng ngừa khuyết tật.

- Ở một số nơi, người dân vẫn còn hiểu không đúng, họ cho rằng khuyết tật là do trời trừng phạt, số phận an bài, hay do ma quỷ.... Đây là những quan niệm hoàn toàn sai lầm, cần phải bài trừ.

1.4. Thực trạng Người khuyết tật và gia đình tại Việt Nam

Phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật đóng vai trò quan trọng trong PHCN cũng như phòng ngừa khuyết tật. Đây cũng là mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm giảm tác động của giảm chức năng/khuyết tật, khắc phục hậu quả của khuyết tật giúp NKT tái hoà nhập xã hội.

- Phát hiện sớm khuyết tật là bằng các biện pháp nâng cao nhận thức, dùng các kỹ thuật y tế, lượng giá PHCN đơn giản để phát hiện ra tình trạng khiếm khuyết, giảm chức năng khi tiếp xúc với một trẻ (hoặc một người) mà từ trước tới nay họ chưa được tiếp cận với các dịch vụ y tế và phục hồi chức năng. Phát hiện sớm là một chỉ số quan trọng nói lên sự phát triển y tế của mọi quốc gia. Phát hiện sớm phụ thuộc vào kiến thức, kỹ năng của cán bộ y tế, các giáo viên tại các trường mầm non và tiểu học, các thành viên gia đình.
- Can thiệp sớm là dùng các biện pháp PHCN (y tế, giáo dục, xã hội, kinh tế và các kỹ thuật PHCN) tiến hành ngay từ khi phát hiện ra một trẻ em hoặc người lớn có khiếm khuyết, giảm chức năng. Chương trình can thiệp sớm phụ thuộc vào sự phát triển của ngành y tế và các ban ngành khác liên quan tới khuyết tật. Can thiệp sớm còn giúp phòng ngừa khuyết tật cũng như tăng cường mức độ tham gia các hoạt động của NKT. Kết quả là nâng cao chất lượng cuộc sống và tál hoà nhập xã hội của NKT.

  Phát hiện sớm phải được thực hiện song song với can thiệp sớm. Phát hiện và can thiệp sớm người bị giảm chức năng đòi hỏi sự phối hợp đa ngành trong chương trình PHCNDVCĐ. Bao gồm các ngành y tế, giáo dục, lao động thương binh xã hội để trẻ em hoặc người lớn có thể được phát hiện và can thiệm sớm tình trạng giảm chức năng ngay tại gia đình, cộng đồng, trạm y tế, trường học.

Việt Nam là nước trải qua hai cuộc chiến tranh kéo dài hơn 30 năm, nền kinh tế chưa phát triển, điều kiện chăm sóc sức khoẻ hạn chế, tồn tại nhiều quan niệm sai lầm về khuyết tật ở cộng đồng, đó là những nguyên nhân quan trọng khiến cho tỷ lệ khuyết tật ở Việt Nam khá cao. Theo các thống kê chưa đầy đủ, hiện tại có khoảng (5,1 triệu NKT trong cả nước, chiếm tỷ lệ khoảng gần 7% dân số). Các dạng khuyết tật chủ yếu thường gặp theo tỷ lệ từ cao xuống thấp là: khó khăn về vận động, khó khăn về giao tiếp (nghe nói), khó khăn về nhìn, khó khăn về nhận thức, khuyết tật về tâm thần-hành vi...

Do hạn chế về kiến thức y học thông thường tại cộng đồng và chưa có một hệ thống phát hiện khuyết tật đầy đủ nên những NKT thường được phát hiện khi đã muộn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân góp phần làm

cho khả năng phục hồi của NKT bị hạn chế. Nhận thức về khuyết tật của cộng đồng, nhìn chung vẫn còn chưa đúng, vì thế mà năng lực, trình độ của NKT còn chưa được đánh giá đúng, hậu quả là NKT vẫn còn bị hạn chế trong việc tham gia các công việc gia đình cũng như các hoạt động xã hội như thể thao, văn hoá, lễ hội, đi học... hay tham gia các tổ chức đoàn thể, chính quyền. NKT, mặc dù là một bộ phận không thể tách rời khỏi cộng đồng nhưng họ vẫn là những người yếm thế trong xã hội

Người khuyết tật trong gia đình

- Tình trạng khuyết tật thường được phát hiện muộn.
- Mặc dù nhiều NKT trước đây tham gia mọi công việc của gia đình, đưa lại lợi ích kinh tế cho gia đình, do tình trạng khuyết tật nên hiện nay họ trở thành gánh nặng cho gia đình. Các thành viên trong gia đình không đặt niềm tin, hy vọng, mong đợi ở NKT cũng như không tôn trọng họ như trước.
- Trong khi có một số gia đình quá quan tâm chăm sóc NKT, làm thay hết mọi công việc, chế độ dinh dưỡng quá thừa thãi nên làm cho tình trạng khuyết tật càng nặng thêm thì lại có một số gia đình do nghèo khó hoặc do thái độ đối xử đã lãng quên chăm sóc NKT. Cả hai tình trạng trên đều đưa tới hậu quả là NKT khó có thể sống độc lập và hoà nhập cộng đồng.

Người khuyết tật trong xã hội

- Sự tiếp cận của NKT đến các dịch vụ trong cộng đồng bị hạn chế hoặc bị quên lãng. Các dịch vụ bao gồm: y tế, giáo dục, văn hoá, vui chơi giải trí, thương mại, giao thông...ví dụ như: đường đi cho xe lăn, các thông tin bằng chữ nổi...
- Mọi người trong gia đình, trong cộng đồng còn phân biệt đối xử, chưa xem NKT là thành viên bình đẳng của gia đình, xã hội. NKT thường không được tham gia, đại diện trong các hoạt động của cộng đồng
- Cộng đồng còn thờ ơ, lạnh nhạt, chưa sẵn sàng giúp đỡ NKT, chưa tạo ra được môi trường thuận lợi, hỗ trợ NKT phát huy được hết khả năng của mình.

Công ăn việc làm cho NKT

- Nhiều NKT có khả năng làm việc để kiếm sống. Họ có thể trở lại nghề cũ hoặc làm một việc khác phù hợp hơn với hoàn cảnh khuyết tật của mình.
- Tuy nhiên, các hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề cho NKT hiện nay còn gặp nhiều khó khăn. Ở Việt Nam, không những gia đình NKT mà ngay cả bản thân NKT cũng không mong chờ việc làm. Trường dạy nghề thường

không tiếp nhận NKT, một phần bởi không có những trang thiết bị giảng dạy phù hợp để đào tạo nghề cho họ. Có 1 số trường thuộc Bộ Lao động Thương binh Xã hội được thành lập với mục đích đặc biệt là đào tạo nghề cho NKT nhưng cũng không đủ cơ sở vật chất và giáo viên để giảng dạy, đào tạo.

- Đa số NKT khó tìm kiếm được việc làm do các cơ quan, xí nghiệp không muốn nhận họ, xem họ không có khả năng làm việc.
- Một số người trong số NKT tìm được việc làm nhưng chiếm giữ vị trí thấp và nhận được phần lương ít ỏi.

Giáo dục

- Nhiều TKT có khả năng học hành. Theo thống kê của Tổ chức Giáo dục Liên Hợp Quốc thì 85% TKT có thể học hoà nhập trong các trường bình thường, 10% cần có lớp đặc biệt trong trường bình thường, chỉ có 5% trẻ bị khuyết tật đặc biệt đến học tại các trường đặc biệt. TKT vẫn thông minh, học xuất sắc và đạt các loại bằng cấp thứ hạng cao.
- Tuy nhiên có nhiều trẻ không được gia đình chấp thuận đến trường học, nhiều bố mẹ cho rằng do tình trạng khuyết tật, trẻ không có khả năng học tập. Cũng có nhiều gia đình quá nghèo không thể cho trẻ đi học được.
- Cũng có một số thầy cô giáo và gia đình của trẻ bình thường không muốn nhận TKT vào học. Họ lo sợ sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập của trẻ bình thường và thành tích chung của toàn lớp.
- Trong số các TKT đến trường học, chỉ có một số trẻ học đến bậc đại học nhờ khả năng vượt khó, sự trợ giúp của gia đình và bạn bè.

Chăm sóc y tế

- Hầu hết các nhu cầu chăm sóc y tế cơ bản cho NKT cũng giống như người khác. Chỉ có một số dịch vụ đặc biệt như phẫu thuật chỉnh hình, dụng cụ trợ giúp, những dịch vụ mà hiện nay vẫn là một vấn đề khó khăn với người khuyết tật ở vùng nông thôn.
- NKT cần có bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội như những người khác. Hiện nay chỉ một số ít NKT được gia đình hay các tổ chức từ thiện giúp mua thẻ bảo hiểm y tế, còn đa số họ chưa được cấp bảo hiểm y tế.
- Tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhân viên y tế đều có thái độ tốt, ân cần tiếp đón NKT, hết lòng giúp đỡ NKT. Tuy nhiên một số ít còn thờ ơ, chưa muốn giúp đỡ NKT.

Quan hệ bạn bè, tình yêu và lập gia đình của người khuyết tật

Tất cả mọi người kể cả người chưa khuyết tật đều có các nhu cầu ăn uống, an toàn và tình yêu. Một trẻ được yêu thương, được học hỏi, được tôn trọng khi lớn lên trẻ cũng có tình yêu, hiểu biết và tôn trọng mọi người. Điều quan trọng tại cộng đồng là hiểu tâm lý của NKT. Một số NKT có tình yêu say đắm và muốn lập gia đình. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải tất cả mọi người trong cộng đồng đều hiểu và ủng hộ họ. Cán bộ PHCN và gia đình đóng vai trò quan trọng để hướng NKT tự quyết định hạnh phúc của mình và xây dựng một cuộc sống gia đình có ý nghĩa.

Các khó khăn gia đình phải đối mặt

- Bị tách biệt khỏi cộng đồng: một số người cho rằng khi trẻ sinh ra bị khuyết tật là do gia đình đó bị trừng phạt.
- Thông tin sai lệch: một số người hiểu sai cho rằng khuyết tật là do lây truyền vì vậy có nhiều người xa lánh NKT.
- Từ chối thừa nhận khả năng của NKT do mọi người chưa nhìn thấy NKT có khả năng làm gì. Họ chỉ nhìn thấy các hạn chế của NKT.
- Đói nghèo cũng là một vấn đề làm cho NKT càng khó khăn hơn trong các hoạt động hội nhập của mình.
- Quá quan tâm chăm sóc từ phía gia đình cũng làm cho tình trạng khuyết tật nặng hơn.
- Thiếu sự trợ giúp từ các thành viên của các gia đình khác và cộng đồng.
- Rối loạn tâm lý của NKT.

Các tổ chức của người khuyết tật

Đây là các tổ chức của NKT có thể thành lập thành Hội lớn hoặc từng nhóm nhỏ, hoặc tổ chức dưới dạng câu lạc bộ của NKT. Mục đích của các tổ chức khuyết tật này là tạo cơ hội cho NKT gặp gỡ nhau, chia sẻ mọi kinh nghiệm trong PHCN và trong cộng đồng.

Các tổ chức của NKT tại Việt Nam cũng được khuyến khích thành lập. Nhà nước đã ban hành một nghị định về qui chế thành lập và hoạt động của các tổ chức, trong đó có tổ chức của NKT (nghị định 88 CP). Các hình thức tổ chức của NKT có thể là nhóm, câu lạc bộ, nhóm tự lực, các Hội NKT các cấp.... Tuy nhiên do năng lực của bản thân NKT vẫn còn hạn chế nên qui mô, hình thức tổ chức của NKT hiện nay chủ yếu vẫn là nhóm tự lực. Có một số Tỉnh thành phố cũng đã thành lập được Hội NKT cấp Tỉnh như Hội NKT tỉnh Đồng Nai, Hà Nội, Thái Bình...

Các dịch vụ cho NKT

- Dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ và PHCN, như: trạm y tế, bệnh viện các tuyến, trung tâm PHCN, Bệnh viện điều dưỡng PHCN, các xưởng chỉnh hình, chân tay giả...Học hành cho NKT: Trường học, các cơ sở đào tạo cho TKT như các trường dạy giáo dục đặc biệt, các trung tâm giáo dục TKT, các trường dạy hoà nhập...
- Các dịch vụ tạo công ăn việc làm: trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm, các cơ quan, xí nghiệp tuyển dụng NKT vào làm việc.
- Các dịch vụ văn hoá: NKT có thể tham gia các sự kiện văn hoá tại cộng đồng như lễ hội, các hoạt động vui chơi giải trí, âm nhạc, thể thao, nghệ thuật.

2. GIỚI THIỆU VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.1. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng là gì?

PHCNDVCĐ là một hình thức cung cấp các biện pháp phục hồi chức năng về thể chất, tâm thần, hỗ trợ về mặt xã hội, việc làm, giáo dục và tạo ra các điều kiện thuận lợi khác tại cộng đồng để NKT có thể phát huy được hết khả năng của mình, nâng cao chất lượng cuộc sống để hoà nhập xã hội.

2.2. Sơ lược về các giai đoạn phát triển của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại Việt Nam

- Giai đoạn 1987 – 1992: thí điểm triển khai ở một số tỉnh, đầu tiên ở Tiền Giang 1987, sau đó ở Hải Hưng và Vĩnh Phú.
- Giai đoạn 1993 – 1997: mở rộng sang nhiều tỉnh khác theo chủ trương của Bộ Y tế với sự tài trợ của một số tổ chức phi chính phủ.
- Giai đoạn 1998 đến nay (2005): 46/62 tỉnh thành trong cả nước có chương trình PHCNDVCĐ.

2.3. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đến 2010

- PHCNDVCĐ phủ kín 80% số tỉnh, 80% huyện, 80% xã.
- 70% NKT được quản lý tại cộng đồng.
- Có chương trình và tài liệu chuẩn.
- Có đội ngũ giảng viên về PHCN chuẩn.

2.4. Những người tham gia chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

- NKT là trung tâm của chương trình.
- Gia đình NKT.

- Các thành viên của cộng đồng và các ban ngành ở các tuyến khác nhau:
  - Các thành viên Ban Điều hành như: lãnh đạo chính quyền, đại diện y tế, giáo dục, TBXH, UB DSGĐ &TE.
  - Nhân viên y tế.
  - Giáo viên.
  - Cán bộ TBXH.
  - Cán bộ UB DSGĐ & TE.
  - Các tổ chức xã hội: học viên chữ thập đỏ, tổ chức Phụ nữ, Thanh niên, Cựu chiến binh.

2.5. Các hoạt động trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

- PHCN dựa vào gia đình: phát hiện, huấn luyện và giúp đỡ NKT.
- Khám phân loại khuyết tật theo tuyến: tuyến dưới gửi khám tuyến trên, tuyến trên tham vấn cho tuyến dưới.
- Sản xuất các dụng cụ trợ giúp PHCN theo kỹ thuật thích nghi từ nguyên liệu sẵn có ở cộng đồng.
- Nâng cao nhận thức về khuyết tật cho những người tham gia chương trình PHCNDVCĐ.
- Hợp tác đa ngành và huy động mọi nguồn lực của cộng đồng.
- Nâng cao năng lực cho NKT, gia đình, tình nguyện viên, cán bộ PHCN, cán bộ quản lý PHCN ở mọi tuyến.
- Trợ giúp TKT học hành (giáo dục).
- Giúp đỡ đào tạo nghề, tăng thu nhập cho NKT và gia đình.
- Tạo môi trường thích nghi tại nhà và môi trường xung quanh.
- Xây dựng các văn bản pháp lý, chính sách liên quan tới NKT.
- Thành lập và giúp đỡ các nhóm tự lực, các tổ chức của NKT
- Tư vấn về các vấn đề liên quan tới khuyết tật cho NKT và gia đình.

2.6. Tài chính cho chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Kinh phí và vật chất trợ giúp cho người khuyết tật và gia đình được huy động từ các nguồn

Bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội, trợ giúp giáo dục, trợ giúp phẫu thuật, các dụng cụ phương tiện, vay vốn.

- Kinh phí nhà nước (Bộ LĐTBXH, UB DSGĐ & TE).
- Các tổ chức xã hội (Hội Chữ thập đỏ, Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ...).
- Đóng góp của địa phương: UBND, các doanh nghiệp, các công ty, cá nhân...).

Các hình thức động viên các cộng tác viên khi tham gia chương trình

- Miễn lao động công ích, miễn học phí, cấp gạo, vải/áo quần, lương, quà, chứng chỉ, có chế độ ưu tiên cho một số quyền lợi.
- Đóng góp của địa phương: UBND.

2.7. Trợ giúp cho người khuyết tật và gia đình

Trong quá trình tham gia vào các hoạt động PHCNDVCĐ, NKT và gia đình sẽ nhận được sự trợ giúp về chuyên môn kỹ thuật cần thiết từ cộng tác viên cho tới cán bộ PHCN của xã, huyện và Tỉnh.

Cộng tác viên có thể trợ giúp người khuyết tật và gia đình về

- Phát hiện khuyết tật.
- Can thiệp PHCN tại nhà.
- Giới thiệu NKT tới các cơ sở y tế để khám, phân loại và đánh giá nhu cầu.

Cán bộ phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tuyến xã có thể trợ giúp người khuyết tật và gia đình về

- Phát hiện, chẩn đoán.
- Can thiệp PHCN tại nhà.

Cán bộ phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tuyến Huyện có thể trợ giúp người khuyết tật và gia đình thông qua

- Khám và chẩn đoán.
- Can thiệp PHCN tại nhà, tại Viện.

Những vấn đề mà cán bộ phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tuyến Tỉnh có thể trợ giúp trực tiếp cho người khuyết tật và gia đình gồm

- Khám và chẩn đoán.
- Can thiệp PHCN tại nhà, tại Viện.

Ngoài ra, người khuyết tật khác trong cộng đồng cũng có thể giúp đỡ nhau, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm hay cùng nhau thành lập các nhóm tự lực

2.8. Hệ thống trợ giúp người khuyết tật tại gia đình

	Người khuyết tật	Gia đình	Cộng tác viên PHCNDVCĐ	Cán bộ PHCN cộng đồng	Cán bộ PHCN huyện	Cán bộ PHCN tỉnh	Chuyên gia PHCN tuyến Trung ương
Người khuyết tật	• Chia sẻ kinh nghiệm. • Thành lập tổ chức NKT. • Như CTV.	• Can thiệp PHCN tại nhà. • Như CTV.	• Phát hiện khuyết tật. • Can thiệp PHCN tại nhà.	• Phát hiện, chẩn đoán. • Can thiệp PHCN tại nhà.	• Khám và chẩn đoán. • Can thiệp PHCN tại nhà tại Viện.	• Khám và chẩn đoán. • Can thiệp PHCN tại nhà tại Viện.	• Khám và chẩn đoán. • Can thiệp PHCN dựa vào Viện. • Phát triển TL.
Gia đình	• Như CTV.	• Chia sẻ kinh nghiệm. • Tạo các nhóm tự lực, các hội NKT. • Như CTV.	• Trợ giúp tại nhà, gia đình • Giáo dục	• Trợ giúp gia đình và giáo dục	• Trợ giúp gia đình tại nhà tại Viện • Giáo dục	• Trợ giúp gia đình tại nhà và dựa vào Viện • Giáo dục	• PHCN và học hành dựa vào Viện. • Phát triển tài liệu.
Cộng tác viên PHCNDVCĐ	• Thông tin về tình trạng cá nhân.	• Thông tin về tình trạng NKT.	• Chia sẻ kinh nghiệm, thông tin và trợ giúp.	• Tập huấn cơ bản, giám sát và trợ giúp từng công việc.	• Trợ giúp tập huấn cơ bản. • Tập huấn nâng cao.	• Tập huấn nâng cao. • Phát triển tài liệu.	• Tập huấn nâng cao. • Phát triển tài liệu.

CHƯƠNG II: NHẬN THỨC VỀ KHUYẾT TẬT

Bên cạnh những quan niệm, hiểu biết về khuyết tật, cách thức phòng ngừa, phục hồi chức năng và hỗ trợ NKT, nhận thức cũng bao gồm sự hiểu biết và chia sẻ trách nhiệm của các cá nhân và cộng đồng trong việc tạo cơ hội bình đẳng và môi trường tiếp cận được cho NKT. Nhận thức đúng được thể hiện ra ngoài qua lời nói, hành động, thái độ cư xử phù hợp với NKT. Hiểu biết về những khó khăn, nhu cầu của NKT và khả năng của họ sẽ giúp các thành viên trong gia đình NKT và mọi người xung quanh có thể cư xử phù hợp và biết cách giúp đỡ NKT.

Nhận thức về khuyết tật bao gồm

- Khái niệm thế nào là khuyết tật, những nguyên nhân gây nên khuyết tật, các hậu quả của khuyết tật và cách thức phục hồi chức năng, cách hỗ trợ NKT/TKT
- Hiểu biết về nhu cầu, quyền lợi và khả năng, trách nhiệm và sự tham gia của cộng đồng NKT/ TKT vào đời sống xã hội.
- Nhận thức về trách nhiệm và sự tham gia của mọi cá nhân và tổ chức trong cộng đồng nhằm tạo cơ hội bình đẳng và tiếp cận cho NKT/TKT.

  Cơ hội cho NKT/TKT được hiểu là mọi cơ hội: học hành, tiếp cận mọi hình thức giáo dục phù hợp ; tiếp cận việc làm : học nghề, vay vốn, sản xuất; tham gia mọi hoạt động chung của cộng đồng : giao thông đi lại, thể thao, giải trí...

  Tình trạng khuyết tật/khuyết tật đôi khi do hậu quả của thái độ và cách ứng xử không đúng của cộng đồng. Những khó khăn trong việc thực hiện chức năng của NKT/TKT không hẳn chỉ do những hạn chế do đặc điểm khuyết tật đem lại mà con do môi trường sống, làm việc và sinh hoạt của cộng đồng không đáp ứng đủ những điều kiện thích nghi để NKT/NKT có thể thực hiện được các công việc của mình.

TẠI SAO PHẢI TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC CHO MỌI NGƯỜI VỀ VẤN ĐỀ KHUYẾT TẬT?

- **Thứ nhất:** bản thân NKT có thể chưa nhận thức đầy đủ về nhu cầu khả năng và năng lực của bản thân, về quyền và vị trí của họ trong đời sống xã hội. Do vậy, họ thường bị mặc cảm, hay đứng bên ngoài các hoạt động

của gia đình và cộng đồng. NKT có thể cho mình là gánh nặng, là đối tượng đáng được gia đình và xã hội quan tâm. Từ nhận thức đó, NKT thiếu cố gắng, nhụt chí, cam chịu với khuyết tật của mình.

Nếu nhận thức đúng về năng lực của bản thân, NKT sẽ tham gia tích cực hơn vào mọi hoạt động của gia đình, cộng đồng và xã hội. NKT sẽ chủ động vượt qua những khó khăn do khuyết tật, những trở ngại về tâm lý, và rào cản nhận thức của cộng đồng, chứng tỏ cho mọi người thấy khả năng của mình.

Chính thành công của NKT trong quá trình vượt khó là bài học, là kinh nghiệm, là sự động viên để những NKT khác và mọi người trong cộng đồng thay đổi cách nhìn về NKT.

- **Thứ hai:** Từ phía cộng đồng, nếu nhận thức đúng về khuyết tật, về khả năng của NKT, về vai trò và trách nhiệm của các thành viên cộng đồng, họ sẽ tích cực hỗ trợ NKT thông qua các hoạt động của chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, các hoạt động bảo trợ NKT. Cộng đồng có nhận thức đúng về NKT nghĩa là không giúp đỡ họ quá mức nếu không cần.

  Thậm chí, NKT có thể giúp đỡ người khác không bị khuyết tật nếu họ có khả năng. Nhận thức đúng của NKT và cộng đồng là tạo được mối quan hệ bình đẳng, giúp đỡ hỗ trợ nhau khi cần thiết.

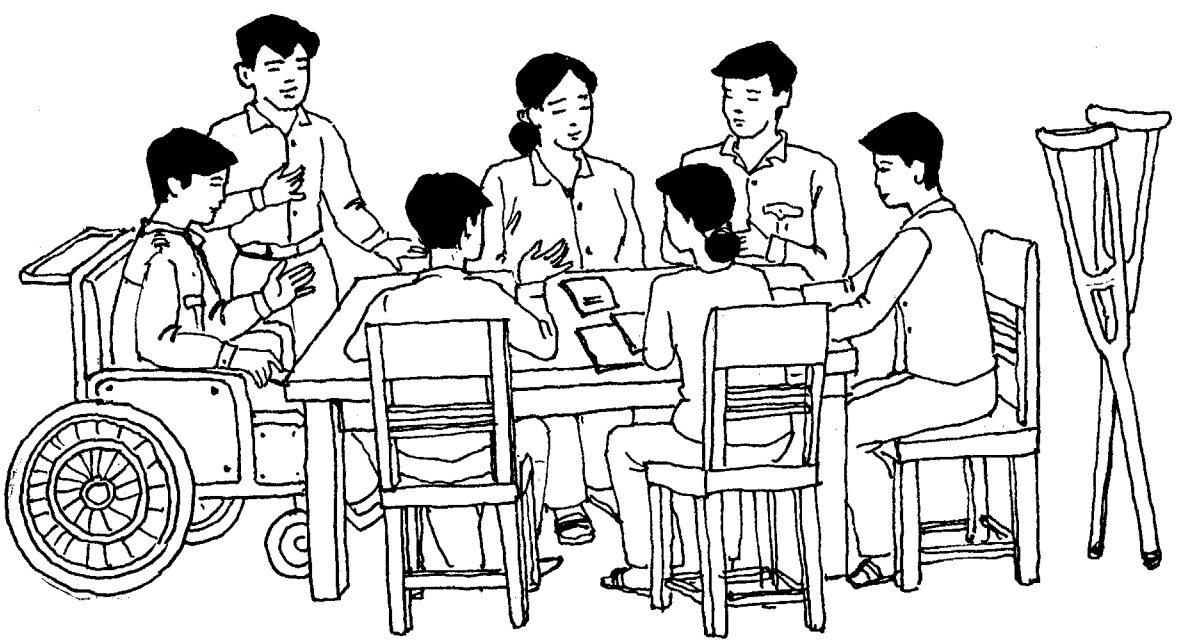

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TĂNG CƯỜNG NHẬN THỨC CỦA CÁC THÀNH VIÊN CỘNG ĐỒNG VỀ KHUYẾT TẬT?

Mỗi đối tượng trong cộng đồng có và cần có những nhận thức khác nhau về vấn đề khuyết tật và trách nhiệm đối với NKT và các hoạt động phục hồi chức năng. Do vậy, bảng dưới đây sẽ trình bày các cách thức thay đổi nhận thức cho các đối tượng khác nhau của cộng đồng.

Nhóm đối tượng	Cần nhận thức về các vấn đề sau	Cách thay đổi nhận thức
Người khuyết tật	• Về nhu cầu và khả năng của họ trong sinh hoạt hàng ngày, sinh hoạt cộng đồng và tham gia các hoạt động xã hội • Về quyền của NKT tham gia bình đẳng mọi hoạt động trong gia đình, cộng đồng và xã hội. • Nhậnthức đúng đắn của NKT đối với vấn đề khuyết tật của bản thân, sự nỗ lực vượt qua các trở ngại hoà nhập cộng đồng. • Vai trò và sự tham gia của họ trong chương trình PHCNDVCĐ	• Học tập để nâng cao trình độ học vấn • Tham dự tập huấn, hội thảo để thay đổi nhận thức • Cơ hội tham gia trao đổi, họp hành ở thôn xóm của tổ chức xã hội (phụ nữ, thanh niên...) • Gặp gỡ, tuyên truyền của cộng tác viên và các cá nhân của cộng đồng. • Phát tờ rơi, tài liệu sách báo tuyên truyền. • Băng rôn, báo tường, khẩu hiệu, phát thanh.. • Tham gia trong nhóm tự lực của NKT • Giao lưu, liên kết với các mô hình tích cực
Gia đình người khuyết tật	Về vai trò và sự tham gia của gia đình trong hỗ trợ NKT/ TKT tại nhà Về vai trò và sự tham gia của gia đình trong hoạt động khác về PHCNDVCĐ • Về thái độ, cách cư xử của gia đình đối với NKT và cách hỗ trợ. • Cách tạo môi trường thích nghi cho TKT/Học tập để nâng cao trình độ học vấn	Tham dự tập huấn, hội thảo để thay đổi nhận thức Trao đổi, họp hành ở thôn xóm của tổ chức xã hội (phụ nữ, thanh niên...) • Phát tờ rơi, tài liệu sách báo tuyên truyền. • Băng rôn, báo tường, khẩu hiệu, phát thanh.. • Tham gia nhóm cha mẹ của TKT để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm • Tham quan các mô hình tích cực
Cộng tác viên, cán bộ PHCNDVCĐ	• Nhận thức về vai trò và trách nhiệm của họ trong chương trình PHCNDVCĐ • Thái độ và cư xử của họ đối với NKT và gia đình NKT • Các kiến thức, kỹ năng và thông tin liên quan đến việc chăm sóc, hỗ trợ và PHCN cho NKT/TKT	• Qua tập huấn, hội thảo • Phân phát tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật • Thảo luận nhóm cộng tác viên, trao đổi kinh nghiệm • Tham quan trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương • Chia xẻ kinh nghiệm của các cá nhân • Tham quan các mô hình tích cực

(tiếp theo)

Nhóm đối tượng	Cần nhận thức về các vấn đề sau	Cách thay đổi nhận thức
Thành viên Ban Điều hành PHCN DVCĐ các cấp	• Về vai trò, trách nhiệm của họ để tạo ra môi trường hỗ trợ cho NKT • Về trách nhiệm và sự tham gia của họ vào các hoạt động PHCNDVCĐ. Huy động và lôi kéo mọi nguồn lực trong cộng đồng cho chương trình PHCNDVĐ và vì NKT.	• Để đại diện Hội NKT tham gia Ban Điều hành • Tham dự tập huấn, các cuộc họp, hội thảo về chương trình PHCNDVCĐ và về NKT • Tham quan chương trình nơi khác • Qua phương tiện thông tin đại chúng
Cộng đồng	• Về vai trò NKT trong đời sống, gia đình và trong xã hội • Về vai trò sự tham gia của cộng đồng trong việc tạo cơ hội cho NKT khẳng định bản thân, giúp NKT hoà nhập xã hội. • Ý nghĩa và tầm quan trong của việc nhìn nhận NKT như một thành viên bình đẳng của cộng đồng	• Chương trình giáo dục và học vấn phổ thông • Tham dự các cuộc họp, cuộc gặp mặt phổ biến về chương trình PHCNDVCĐ và về NKT Qua các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí của NKT/TKT • Tham quan, học hỏi các mô hình tích cực • Qua phương tiện thông tin đại chúng
Lãnh đạo cộng đồng	Về vai trò, trách nhiệm của họ trong việc tạo cơ hội cho NKT khẳng định bản thân, giúp NKT hoà nhập xã hội. Về vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của họ vào các hoạt động PHCNDVCĐ. Lôi kéo cộng đồng tham gia. Huy động và lôi kéo mọi nguồn lực và sự tham gia trong cộng đồng cho chương trình PHCNDVĐ và vì NKT.	• Qua hội thảo • Tham quan các đơn vị khác • Tham quan các mô hình tích cực • Qua phương tiện thông tin đại chúng

Tóm lại để nâng cao nhận thức của các đối tượng khác nhau trong cộng đồng về nhu cầu, quyền và khả năng của NKT và về chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cần có chương trình hành động và các biện pháp phối hợp. Mọi thành viên cộng đồng cần được cung cấp thông tin giúp họ hiểu được vai trò của mình trong việc tạo môi trường thuậnlợi để NKT/TKT phát huy hết được tiềm năng của mình.

1. QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Tất cả mọi người sinh sống ở mọi quốc gia đều được hưởng những quyền cơ bản: quyền con người, quyền trẻ em. Các bộ luật, chính sách về NKT của mọi quốc gia phải được xây dựng trên nền tảng của các luật cơ bản nêu trên. Khi nói đến quyền của NKT là nói đến quyền được tham gia và được có các cơ hội bình đẳng của họ. Xã hội, cộng đồng phải có trách nhiệm để NKT/ TKT được hưởng quyền của họ.

1.1 Quyền con người

Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người (1948) có nêu: mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính. Mọi người, cho dù là NKT và không khuyết tật đều có quyền bình đẳng như nhau. Quyền cơ bản của con người được chia thành hai mức độ: ở mức cá nhân và mức xã hội. Mọi quyền cơ bản ấy được nêu trong bảng dưới đây:

Quyền con người cơ bản	Cá nhân	Xã hội
Quyền thân thể	Quyền được sống và được nguyên vẹn thân thể	Quyền có cái ăn, mặc ở và được chăm sóc y tế
Quyền chính trị	Quyền xác định bản thân	Quyền tham gia phong trào chính trị
Quyền đi lại	Quyền tự do đi lại và sinh sống nơi nào tuỳ thích	Quyền được sống ở bất kỳ đất nước nào
Quyền xã hội	Quyền hoà nhập xã hội	Hội họp và tham gia bất kỳ tổ chức nào
Quyền kinh tế	Quyền được làm việc	Quyền có điều kiện làm việc tốt và lương xứng đáng
Quyền giới tính và gia đình	Quyền được chọn kiểu cách sống	Quyền có gia đình hoặc sống độc thân
Quyền tôn giáo	Quyền chọn tôn giáo	Quyền được biểu thị niềm tin vào tín ngưỡng một cách cá nhân hay ở nơi công cộng
Quyền giao tiếp - truyền thông	Quyền được giao tiếp	Quyền được tự do giao tiếp Quyền được giáo dục và văn hoá

1.2. Công ước về Quyền trẻ em

Theo Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em thì trẻ em là những công dân dưới 16 tuổi. Công ước về Quyền trẻ em ra đời năm 1990, trung thành với những nội dung cơ bản của Quyền con người. Việt Nam là nước thứ hai tham gia Công ước. Theo đó, mọi trẻ em không phân biệt chủng tộc, màu da, lứa tuổi và dân tộc đều có quyền cơ bản. Đó là quyền được sống, phát triển hoàn chỉnh, được bảo vệ khỏi những ảnh hưởng có hại, bị lạm dụng và bóc lột và quyền tham gia đầy đủ vào đời sống gia đình, văn hoá và xã hội. Công ước bảo vệ quyền trẻ em bằng cách thiết lập các chuẩn mực về chăm sóc sức khoẻ, các dịch vụ giáo dục, pháp luật, dân sự và xã hội. Trên thế giới đã có 192 nước tham gia Công ước, mỗi quốc gia đều phải xây dựng và thực hiện mọi hành động và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho trẻ em. Có 4 nhóm quyền cơ bản như:

- **Quyền được sống còn:** quyền được có cuộc sống bình thường và để phát triển như: có cái ăn, cái mặc, được chăm sóc sức khoẻ, được khai sinh...
- **Quyền được phát triển:** quyền được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần: quyền học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động văn hoá, tiếp nhận thông tin, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo...
- **Quyền được bảo vệ:** trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi bị phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bắt cóc và buôn bán.
- **Quyền được tham gia:** Trẻ em có quyền được tự do bày tỏ quan điểm, ý kiến liên quan đến cuộc sống của mình. trẻ em có quyền kết bạn, giao lưu và hội họp, tiếp cận thông tin phù hợp.

Những nội dung của Công ước đã được Chính phủ ta hiện thực hoá trong các luật như: Luật Bảo vệ Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học, Luật Hôn nhân và gia đình,... Chẳng hạn Luật Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em có quy định các quyền như:

- Quyền được khai sinh và có quốc tịch (Điều 5)
- Được chăm sóc và nuôi dạy để phát triển thể lực, trí tuệ và đạo đức (Điều 6)
- Được chung sống với cha mẹ (Điều 7)
- Được tôn trọng về tính mạng, nhân phẩm vàdanh dự (Điều 8)
- Được bảo vệ sức khoẻ, trẻ dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh không mất tiền tại các cơ sở y tế của nhà nước (Điều 9)

...

Về vấn đề giáo dục cho TKT, Pháp lệnh NKT có quy định rõ "TKT có quyền được đi học, có quyền tiếp cận với mọi hình thức giáo dục, đặc biệt là giáo dục hoà nhập"... Trong 10 năm trở lại đây, vấn đề giáo dục hoà nhập đã được đưa vào như một trong các mục tiêu của ngành giáo dục. Bộ Giáo dục và đào tạo đã xây dựng các văn bản chính sách nhằm thực hiện giáo dục hoà nhập một cách phổ cập, rộng rãi. Chính sách có hướng dẫn việc đào tạo giáo viên, cung cấp tài liệu giảng dạy, tuyên truyền nhậnthức tạo thuận cho việc đưa TKT tới trường... Giáo sinh cấp Mầm non và Tiểu học ở các trường Cao đẳng Sư phạm và giáo viên đang dạy học trên địa bàn cả nước đều được tập huấn về "giáo dục hòa nhập và kỹ năng dạy TKT".

1.3. Quyền của trẻ khuyết tật / người khuyết tật Việt nam

- Pháp lệnh về NKT tháng 8 năm 1998 của Chính phủ. Người lớn và trẻ em khuyết tật Việt Nam đều có mọi quyền bình đẳng và được pháp luật bảo vệ. Tháng 8/ năm 1998, Pháp lệnh về NKT được ban hành, đó là tài liệu có tính pháp lý cao nhất bảo vệ quyền bình đẳng và hoà nhập xã hội của NKT.

Pháp lệnh về NKT được ban hành với mục đích tạo cơ sở pháp lý, cơ chế chính sách bảo vệ của Nhà nước đối với NKT, giúp họ vượt khó vươn lên hoà nhập cộng đồng. Mặt khác, Pháp lệnh đã xã hội hoá tối đa sự hỗ trợ của cộng đồng đối với NKT, với tinh thần tôn trọng quyền con người, cùng với Nhà nước chăm sóc NKT, giúp họ tuỳ theo năng lực mà tham gia đời sống xã hội một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử.

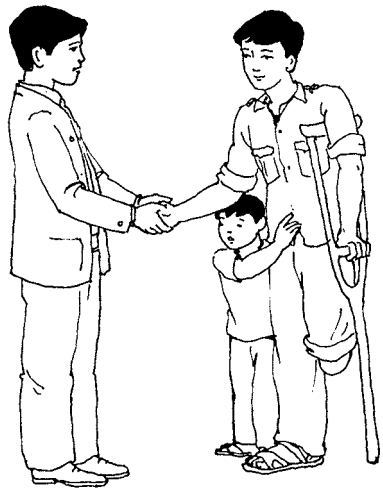

Pháp lệnh quy định những người bị khiếm khuyết, giảm khả năng hoặc khuyết tật theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới đều được xếp vào khái niệm "người khuyết tật". Tuy vậy, ranh giới để xác định chính xác vẫn còn đang tranh cãi. Thực tế NKT là những người bị khiếm khuyết nhưng có bị giảm khả năng gây cản trở hoạt động nhất định của người đó.

Pháp lệnh NKT gồm 8 chương. Chương 1 nói về những quy định chung. Chương 2 đề cập đến việc chăm sóc sức khoẻ, hỗ trợ nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho NKT. Chương 3 quy định về việc học văn hoá của trẻ em và người lớn khuyết tật. Học nghề và việc làm cho NKT được quy định ở chương 4. Ba chương còn lại đề cập đến các hoạt động văn hoá, vui chơi và tiếp cận các công trình công cộng, đến việc quản lý Nhà nước đối với việc bảo vệ chăm sóc NKT, việc khen thưởng và xử lý vi phạm và các điều khoản thi hành. Những điều khoản quy định việc thành lập tổ chức của NKT, sự chăm sóc của các tổ chức xã hội và cộng đồng, ngăn cấm phân biệt đối xử với NKT đã được nhấn mạnh ngay ở chương đầu tiên của Pháp lệnh. Việc thực hiện các quy định của Pháp lệnh NKT phải được thể chế hoá thành các văn bản chính sách của nhà nước về NKT.

1.4. Một số văn bản và chính sách về người khuyết tật

Pháp lệnh về NKT và một hệ thống các nghị định của các Bộ ngành được ban hành để cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện các quy định của Pháp lệnh. Dưới đây là một số văn bản trong số đó.

- **Bộ Y tế**
  - Quyết định số 102/2002/QĐ-BYT về khám chữa bệnh và một số dịch vụ PHCN miễn phí cho NKT.
  - Quyết định 370/2004/QĐ-BYT về đưa Chương trình PHCNDVCĐ là một trong những nội dung của trạm y tế chuẩn quốc gia.

- **Bộ Nội vụ**
  - Quyết định số 71/2003/ QQĐ- BNV của Bộ trưởng về việc phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Sản xuất kinh doanh của NKT Việt Nam.
  - Thông tư số 01/2004/TT-BNV hướng dẫn thực hiện Nghị định 88/2003/ NĐ_CP quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của Hội NKT.
- **Bộ Lao động Thương binh và Xã hội**
  - Quyết định số 1590/2002/ QĐ-LĐTBXH về quy chế hoạt động của Ban Điều phối các hoạt động hỗ trợ NKT.
- **Bộ Xây dựng**
  - Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng năm 2004.
- **Bộ giáo dục và đào tạo**
  - Công văn số 9745/GDTH V/V Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục khuyết tật năm học 2004-2005 của Bộ GD-ĐT: Từ năm 2004 Bộ GD-ĐT đã yêu cầu ***chuyển các trường chuyên biệt*** ở các tỉnh thành trung tâm "Hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập", định hướng chuyển cơ sở giáo dục chuyên biệt thành trung tâm nguồn làm nơi hỗ trợ cho công tác giáo dục TKT.
  - Quyền được giáo dục của TKT được quy định trong Luật giáo dục của nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005 có điều 63 về quyền của TKT về giáo dục và tạo điều kiện tiếp cận cho TKT.

Tóm lại: Nhà nước ta đã thông qua nhiều văn bản chính sách nhằm hỗ trợ và tạo cơ hội tham gia bình đẳng của trẻ em và người lớn khuyết tật vào đời sống xã hội.

2. VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

2.1. Tại sao NKT cần có việc làm?

Việc làm có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống vật chất và tinh thần của NKT và gia đình họ; góp phần đem lại cho người khuyết tật một cuộc sống hạnh phúc về tinh thần.

Việc làm sẽ giúp cho người khuyết tật có được những giá trị tinh thần và vật chất sau:

- **Tạo thu nhập ổn định:** việc làm giúp họ và gia đình có thu nhập ổn định, giảm bớt khó khăn về kinh tế do việc chữa bệnh và PHCN cần chi trải nhiều kinh phí.
- **Tăng cường vận động thể chất/tinh thần:** việc làm giúp NKT phải nỗ lực hơn, khiên họ có động cơ phải đi lại, di chuyển, vận động, gặp gỡ mọi người, mua bán trao đổi... Những việc đó khiến họ năng động hơn, sức khoẻ tốt hơn.

- **Có mối liên hệ với mọi người:** Nhờ công việc mà NKT được giao lưu với mọi người trong cộng đồng. Họ cần phải gặp gỡ vớ i các ban ngành đoàn thể để vay vốn, thê mướn mặt bằng, bán sản phẩm... Do vậy mối quan hệ xã hội của họ được mở rộng. Mọi người trong cộng đồng hiểu biết hơn về khả năng của NKT, uy tín của họ trong cộng đồng được tăng lên.
- **Tâm lý tự tin:** Khi NKT có việc làm, có thu nhập, vai trò và vị thế của họ trong gia đình và trong cộng đồng thay đổi. Mọi người nể họ hơn vì sự cố gắng của họ trong cuộc sống. NKT trở thành tấm gương vượt khó cho mọi người khuyết tật khác trong cộng đồng.

2.2. Người khuyết tật có thể làm được việc gì?

Như những người không khuyết tật, người khuyết tật, sau khi học nghề ở một trường lớp nào đó, nếu có khả năng họ vẫn có thể đi làm tại một cơ quan, công sở hoặc xí nghiệp. Tuy nhiên, phần lớn NKT chỉ cần một công việc ổn định, phù hợp với sức khỏe của mình và mang lại thu nhập đều đặn.

Trong trường hợp không đủ điều kiện sức khoẻ hoặc không có chuyên môn sâu để làm các công việc ở văn phòng, công sở, công ty, NKT có thể làm việc tại nhà mình, hay tại nhà NKT khác hay một tổ sản xuất tại địa phương. Đối với đa số NKT vận động, hoặc khiếm thị, công việc ngày tại nhà mình là phù hợp nhất. Còn đối với người bị khiếm thính hoặc người bị chậm phát triển về trí tuệ, họ có thể làm công việc dịch vụ ở địa phương mình... Do vậy, việc giúp NKT chọn nghề cần có tư vấn của các chuyên gia PHCN và tư vấn nghề nghiệp cho NKT.

Thời gian mà NKT làm việc cũng không bị bó buộc. Họ có thể làm cả ngày như những người khác; hoặc làm nửa ngày hay một số giờ nhất định. Họ cũng có thể không làm vào ban ngày mà làm vào buổi tối.... Tóm lại, thời gian làm việc của họ cũng cần tính đến tình trạng sức khoẻ, sự bố trí hỗ trợ của gia đình... sao cho thích hợp.

Đối với NKT thu nhập cho đủ sống là yêu cầu rất quan trọng đối với công việc mà họ sẽ là. Tuy nhiên, những công việc giành cho NKT thường không đòi hỏi tay nghề cao, dễ làm, nên nhiều người bình thường khác cũng làm được. Vì vậy, cơ hội có việc làm cho NKT là không nhiều, NKT đành chấp nhận những công việc có thu nhập thấp; môi trường làm việc không sạch sẽ, hoặc thời gian làm việc không thuận tiện cho việc sinh hoạt hàng ngày. Do vậy, đây là trở ngại cho việc chọn nghề của NKT. Muốn có công việc tốt, NKT cần phấn đấu học văn hoá; rèn luyện sức khoẻ để có nhiều cơ hội hơn. Mặt khác, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể xã hội cần có sự quan tâm, ưu tiên hơn tạo cơ hội nhiều hơn cho NKT và gia đình họ.

2.3. Ai có thể giúp NKT có việc làm?

Trong việc tạo việc làm cho NKT cần có nhiều cá nhân và tổ chức cơ quan tâm; đặc biệt bản thân NKT và gia đình họ phải chủ động tìm kiếm. Mỗi thành phần, đối tượng trong cộng đồng, nếu làm tốt vai trò của mình thì việc làm cho NKT sẽ không là một vấn đề quá nan giải tới mức không giải quyết được.

- **Những việc NKT và gia đình họ có thể làm:** cố gắng học văn hoá để biết đọc biết viết; nếu có thể thì học về tin học, ngoại ngữ. Đó là nhưng nền tảng cơ bản để xin việc. Việc rèn luyện sức khoẻ, tập luyện PHCN nhằm giúp NKT có đủ sức khoẻ để đáp ứng công việc. Cô găng sao cho NKT độc lập trong công việc chăm sóc cá nhân và sinh hoạt hàng ngày; tự di chuyển trong khoảng cách từ 1-2 km. Nếu cần thì dùng dụng cụ trợ giúp di chuyển như: xe lăn, nạng, nẹp...
- **Những nỗ lực mà Tổ chức của NKT có thể thực hiện vì việc làm cho NKT:** là người tổ chức và điều phối cơ hội cho các hội viên của mình. Hội NKT của xã phường có thể quản lý nguồn vốn vay, cho hội viên làm kinh tế gia đình. Hội cũng có thể thành lập cơ sở dậy nghề và đào tạo việc làm; lập cơ sở sản xuất kinh doanh; thu mua sản phẩm cho NKT.
- **Vai trò của Ban Điều hành xã phường** trong việc thúc đẩy việc làm cho NKT: Vận dụng các chủ trương chính sách của Nhà Nước và Đảng về NKT. Ủy ban nhân dân xã và Ban Điều hành có thể đảm bảo tín chấp để cho NKT tiếp cận các nguồn vốn vay lãi xuất thấp; gửi NKT đi học nghề, tạo thuận tiện về mặt thủ tục hành chính, pháp lý để NKT được đi học và mở cơ sở sản xuất tại địa phương.
- **Vai trò của các ban ngành đoàn thể:** Như hội Phụ Nữ, Hội Cựu Chiến Binh; Đoàn Thanh niên; Hội Nông dân... có vai trò vận động các nguồn quỹ cho NKT và gia đình họ vay vốn kiểu tín chấp; vận dụng các cơ hội có sẵn trong cộng đồng giúp NKT có việc làm; giúp NKT bán sản phẩm của họ.

2.4. Tổ chức việc làm cho người khuyết tật như thế nào?

Việc hỗ trợ cho NKT có việc làm cần tiến hành ở nhiều khâu: đào tạo nghề, tìm nguồn vốn, mua sắm công cụ, tìm địa điểm sản xuất kinh doanh; bán sản phẩm....

- **Học nghề:** Việc dạy cho NKT tốt nhất được tiến hành ngay tại địa phương nếu ở đó có nghề truyền thống: Mây tre đan, chạm khắc gỗ, dệt, may, thêu... sửa chữa máy móc.....Các tổ sản xuất, các đầu mối gia công, hoặc nhà của người có dịch vụ (ví dụ: hoặc nghề sửa xe máy ngay tại của hàng)... đều là nơi dạy nghề thích hợp với NKT. Có thể nói việc dạy nghề cũng cần được tiến hành dựa vào cộng đồng và ngay tại cộng đồng.

Đôi khi NKT có thể học một số nghề không có tại địa phương, khi ấy, họ phải lên Huyện hoặc Tỉnh. Gia đình họ và địa phương có thể hỗ trợ để việc học nghề được thuận tiện.

- **Vận động vay vốn:** Các nguồn vốn sẵn có tại địa phương là thích hợp nhất để cho NKT vay kiểu tín chấp vì mọi người đều biết gia đình họ. Tuy nhiên việc vay vốn được hoàn trả đúng hạn cần có cơ chế quản lý nguồn vốn. Cơ chế hiện nay thích hợp nhất là để hội NKT quản lý nguồn vốn của họ, giám sát cho vay và giám sát trả nợ. Có một số nguồn vốn khác của Hội Nông dân hoặc hội Phụ nữ... cũng cần được Hội NKT bảo lãnh.
- **Tìm địa điểm kinh doanh:** Mặt bằng và địa điểm sản xuất, kinh doanh là một vấn đề quan trọng va mấu trốt. Nếu gia đình NKT không tự no được, có thể nhờ HKT và chính quyền địa phương can thiệp.
- **Mua sắm công cụ:** Các dụng cụ, thiết bị hành nghề như máy móc, nguyên vật liệu... cũng cần được mua sắm. Nguồn gốc và chất lượng các thiết bị này cũng cần được tư vấn địa chỉ mua sắm và hướng dẫn cách sử dụng.
- **Tiêu thụ sản phẩm:** Tiêu thụ sản phẩm của NKT là vấn đề quan trọng. Việc này cần được tính toán trước khi tiến hành kinh doanh, sản xuất. NKT nên thành lập tổ sản xuất và để những người quản lý lo việc tiêu thụ sản phẩm. Việc xây dựng mạng lưới bán hàng và phân phối sản phẩm, quảng bá thương hiệu cần được tính đến nếu sản phẩm đó đáp ứng được nhu cầu rộng rãi của thị trường.

2.5. Các nhóm việc làm cho các dạng tật khác nhau

Nguyên tắc chọn việc làm: Việc tư vấn NKT chọn công việc tương lai của họ cần dựa trên một số yêu cầu sau:

- **Theo sở thích của NKT:** nên chọn công việc mà họ yêu thích. Tuy nhiên lưu ý giữa sở thích và khả năng của họ xem có tương đối phù hợp không?
- **Theo khả năng sức khoẻ và mức độ tàn tật của họ:** Nên nghĩ đến khả năng hiện tại hơn là nghĩ đến khuyết tật của họ. Mặt khác, khả năng của NKT như: di chuyển đi lại ở khoảng cách bao xa, đi lên xuống cầu thang; điều kiện sinh hoạt tại nơi họ học nghề và làm việc... phải phù hợp.
- **Các điều kiện của NKT và gia đình họ:** điều kiện địa lý, (ở cách xa đường đi? đường xã có thuận tiện cho xe lăn... Khả năng học nghề xong có tiếp cận được vốn vay hay không?...
- **Gợi ý một số nhóm nghề cho NKT:**
  - Trồng cây nông - lâm nghiệp/ diịchvụ chăm sóc và bón tưới
  - Chăn nuôi gà vịt và gia súc, nuôi cá / dịch vụ chăn nuôi - thú y

- Đan lát và làm hàng thủ công mỹ nghệ: gồm, lá , mây tre, giấy...
- Chế biến thực phẩm và đồ ăn truyền thống của địa phương: Bánh kẹo, miến, bánh đa, mỳ...
- Làm các mặt hàng truyền thống khác: làm giấy, vẽ tranh, in ấn, thủ công nghiệp (gạch, ngói, xi măng , sắt, thép,...)
- Nghề mộc, nghề xây
- Làm dịch vụ: Bán hàng, thư ký, kế toán, đưa thư, dạy học, văn phòng...

Tóm lại: Để tạo việc làm cho NKT cần cân nhắc nhiều yếu tố và khả năng của NKT để giúp họ có công việc ổn định, thu nhập đủ sống; góp phần tăng nguồn đóng góp cho xã hội; tăng chất lượng sống của NKT.

3. VUI CHƠI GIẢI TRÍ, THỂ THAO CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

NKT bình đẳng và hoà nhập xã hội thể hiện ở chỗ NKT có quyền tham gia mọi hoạt động của đời sống xã hội. Ngoài các hoạt động liên quan đến bản thân họ, NKT cần cần được khuyến khích tham gia mọi hoạt động trong gia đình, trong cộng đồng giống như mọi thành viên khác. Chẳng hạn, một thanh niên khuyết tật ngoài chăm sóc bản thân, chung sức với các thành viên khác trong gia đình họ làm nội trợ, chăn nuôi gia súc, hoặc các hoạt động có thu nhập khác... cũng cần có các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao. Đây là những nội dung hết sức quan trọng trong đời sống hàng ngày của một người bình thường. Gia đình, bạn bè, cộng đồng, xã hội cần tạo mọi điều kiện để NKT/TKT có thể tiếp cận và tham gia các hoạt động này.

3.1. Tầm quan trọng của vui chơi, giải trí và thể thao đối với người khuyết tật/trẻ khuyết tật

- **Giúp phát triển kỹ năng vận động/trí tuệ, nhận thức, xã hội:** nhờ các hoạt động thể thao, vui chơi... cơ thể được vận động, sức khoẻ được tăng cường và chúng đặc biệt có ích đối với trẻ em khuyết tật. Thông qua vui chơi, trẻ em khuyết tật tìm hiểu thế giới xung quanh, giúp tăng cường hiểu biết, tích luỹ kinh nghiệm sống.
- **Tăng cường sự tham gia của NKT vào đời sống xã hội:**
  Tuy bị khuyết tật, nhưng mỗi người vẫn có những khả năng khác, chẳng hạn một người bị liệt hai chân nhưng có khả năng bắn cung, một người bị mù vẫn chơi nhạc cụ bình thường... Nếu chỉ nhìn vào những hạn chế, những khó khăn thì TKT hay NKT khó có thể làm được việc gì. Nhưng nếu tự mỗi NKT hay TKT cố gắng phát huy điểm mạnh nào đó của bản thân, họ vẫn có cơ hội tham gia vào những hoạt động chung của cộng đồng. Chẳng hạn: tham gia

đội văn nghệ của thôn xóm, chơi đàn hoặc phụ trách trang trí, may quần áo cho diễn viên... Nhờ vậy, NKT sẽ trở nên có ích cho cộng đồng.

- **Tạo nên thái độ tốt của NKT đối với xã hội và gia đình:**
  Khi tham gia các cuộc thi đấu, các ngày hội thể thao NKT/TKT được thể hiện hết năng lực của bản thân, khiến mọi người hiểu thêm về NKT, tạo được mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng. Một người phải ngồi xe lăn vẫn có thể là nhà vô địch môn bóng bàn hoặc cờ vua... Một người cụt một tay vẫn trở thành nhà vô địch về bơi lội.

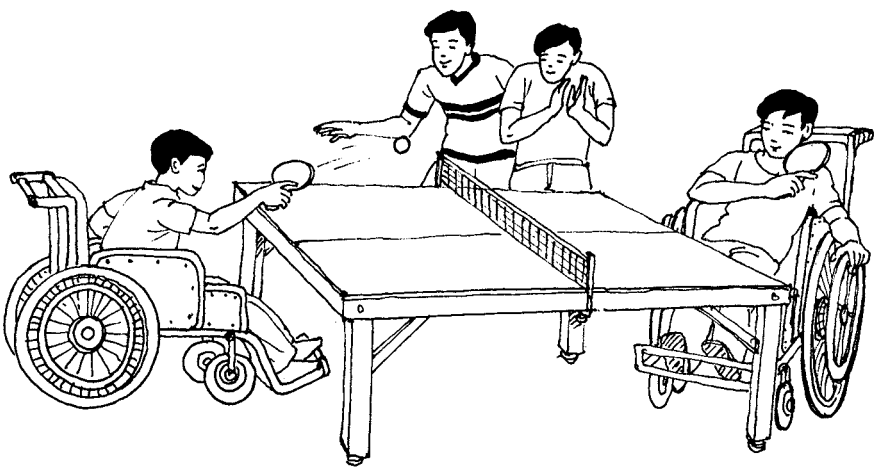

Hoặc như một phụ nữ cụt cả hai chân vẫn có cơ hội trở thành diễn viên điện ảnh... Những trường hợp thành công như vậy là nguồn động viên lớn cho những NKT/TKT tích cực tham gia. Không chi động viên NKT, những tấm gương như vậy còn có tác dụng cổ vũ người bình thường trong khó khăn đời thường.

- **Giảm sự cách ly, xa lánh NKT, gia đình họ**
  Trong tiếp xúc, trao đổi, giao lưu, đặc biệt khi giúp nhau vượt qua những trở ngại để thi đấu, để vui chơi giải trí mối quan hệ tốt sẽ nảy sinh giữa người bình thường và NKT. NKT có thể giúp đỡ người bình thường hay ngược lại. Mối quan hệ hai chiều ấy sẽ tạo điều kiện để NKT và gia đình họ sống vui vẻ, chan hoà với cộng đồng. NKT đỡ mặc cảm.

- **Tăng cường chất lượng cuộc sống của NKT**
  Ngoài những hoạt động tự chăm sóc, sinh hoạt và giúp đỡ gia đình, NKT/TKT cũng cần được hưởng những giờ phút thư giãn, những thú vui và sự say mê. Giải trí, vui chơi, thể thao là những khoảnh khắc tuyệt vời trong cuộc sống của NKT/TKT.

- **Đề phòng khuyết tật**
  Nhờ sự lôi cuốn hấp dẫn của các hoạt động vui chơi, thể thao, giải trí, NKT/

TKT có thể quên được những đau đớn, khó khăn vất vả khi cử động một phần nào đó của thân thể. Cũng nhờ những hoạt động ấy mà trẻ em chậm phát triển trí tuệ có thể tập trung lâu hơn, học và nhớ dễ dàng hơn. Do vậy, những hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí là những hình thức tập luyện hấp dẫn nhất đối với NKT/TKT.

3.2. Những hoạt động có thể chọn lựa

- **Vui chơi, giải trí**
  - Xem phim
  - Nghe ca nhạc/múa hát/kịch
  - Du lịch
  - Các hoạt động sáng tạo như: vẽ, nặn, xếp hình, cắt dán, thêu thùa...
  - Đọc sách ở thư viện
  - Xem triển lãm
  - Cắm trại
  - Câu cá, nuôi chim cá cảnh
  - Chăm sóc cây hoa cảnh
  - Tham gia hội hè, lễ hội văn hoá- lịch sử ở địa phương
  - Đi mua sắm
  - Tham dự các lễ hội tôn giáo (hội đền chùa, rước sách...)
  - Tổ chức liên hoan văn nghệ, đóng kịch...

  ...

- **Thể thao**

  Thế vận hội giành cho NKT/TKT: các môn ngồi xe lăn, bơi, điền kinh, cầu lông, bóng bàn, đánh cờ, bắn cung...

3.3. Tổ chức vui chơi, giải trí, thể thao cho người khuyết tật/ trẻ khuyết tật

- **Người hỗ trợ và tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao. Đó là:**
  - Tổ chức tự lực của NKT, Hội NKT, Hội cha mẹ TKT
  - Chương trình PHCNDVCĐ, Uỷ ban Thể dục thể thao các cấp, các tổ chức xã hội (như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...)
  - Các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ
  - Chính quyền tổ chức nhân dịp kỷ niệm Ngày toàn quốc chăm sóc NKT (18 tháng 4...)

- **Cách thức hỗ trợ**
  - Tìm nguồn kinh phí hoặc tìm nhà tài trợ: đó có thể là các hãng sản xuất và kinh doanh dụng cụ thể thao, hãng đồ chơi, hoặc xí nghiệp, nhà máy, các tổ chức xã hội... hoặc thông qua cuộc vận động quyên góp... Các nguồn vật chất này có thể bằng tiền mặt hay bằng hiện vật, quà tặng hay giải thưởng.

- Điều kiện tiếp cận: Nơi thi đấu hoặc tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho NKT/TKT cần đủ rộng, có thể dễ dàng di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Các lối đi cho xe lăn, vệ sinh rộng và phù hợp... Có thể cần một số tình nguyện viên giúp đỡ NKT/TKT di chuyển lên xuống ô tô, qua cầu nhỏ, đường xá gồ ghề,hoặc giúp người khiếm thị di chuyển... Có thể cần một số phương tiện hoặc thiết bị trợ giúp như: sách vở bằng chữ nổi Braille, các dụng cụ hoặc thiết bị thể thao cần làm thích ứng với NKT (ví dụ bàn bóng bàn làm với chiều cao phù hợp, sân chạy dành cho người khiếm thị...) hoặc cần chuẩn bị tình nguyện viên cùng cặp. Đối với trẻ khiếm thị, để tổ chức thi đấu bóng đá, cần chuẩn bị mũ đệm đội đầu và bóng có lục lạc để trẻ định hướng được.
- Chọn hoạt động phù hợp với khả năng của NKT: để nhiều người NKT/TKT có thể tham gia nên chọn lựa các hoạt động sao cho phù hợp. Chẳng hạn: người khiếm thính có thể tham gia kịch câm, múa rối, đánh cờ... Người ngồi xe lăn có thể chơi các môn thể thao như: cầu lông, bóng bàn... Trẻ em bại não bị múa vờn có thể chơi cờ, vẽ, ghép hình...

Tóm lại: Hoạt động vui chơi giải trí và thể thao là phần không thể thiếu trong đời sống của NKT/TKT. Giúp họ tham gia đầyđủ vào mọi hoạt động của đời sống chính là thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội cho NKT.

4. NHÓM TỰ LỰC/HỘI NGƯỜI KHUYẾT TẬT/HỘI CHA MẸ TRẺ KHUYẾT TẬT

4.1. Nhóm tự lực và Hội người khuyết tật là gì?

Nhóm tự lực, Câu lạc bộ, Hội là một tổ chức gồm các thành viên có chung chí hướng, nguyện vọng, họ cam kết đóng góp thời gian, công sức và nguồn lực để thực hiện những mục tiêu chung.

Nhóm tự lực, Câu lạc bộ hoặc hoặc Hội NKT là một tổ chức của NKT có thể gồm cả thành viên gia đình họ nhằm đại diện cho NKT. Về mức độ tổ chức và pháp lý các tổ chức của NKT có thể ở các dạng sau:

Nhóm tự lực: là các nhóm của NKT hoặc cha mẹ TKT, họ tự nguyện gặp gỡ nhau, sinh hoạt nhóm chung. Nếu các thành viên không thích thì hoạt động của nhóm có thể tự chấm dứt. Sự tồn tại và hoạt động của nhóm không cần sự công nhận của chính quyền.

Câu lạc bộ NKT: cũng tương tự như Hội NKT

Hội NKT hoặc Hội cha mẹ: quy mô ít nhất 5-6 thành viên. Về tổ chức Hội hoạt động có tôn chỉ mục đích và có điều lệ. Có những quy định mà mọi hội viên bắt buộc phải tuân thủ như: thủ tục vào và ra khỏi hội, khen thưởng, kỷ luật hoặc khai trừ khỏi hội. Về pháp lý, Hội chỉ được chính quyền địa

phương côngnhận sau khi đã thực hiện các thủ tục xin phép chính quyền. Hội có con dấu và tài khoản riêng, có quỹ hội. Hoạt động của Hội phải tuân thủ luật pháp và chính sách của địa phương.

Nhóm tự lực, Câu lạc bộ hoặc Hội NKT có thể gồm các dạng:

Nhóm/Hội đơn tật: nhóm người có khó khăn vận động, ví dụ: Câu lạc bộ "Hy vọng", Câu lạc bộ "Tương lai tươi sáng" là những tổ chức của NKT về vận động ở Hà Nội. Còn có các dạng tổ chức khác như: Câu lạc bộ người khiếm thị Hà Nội, Câu lạc bộ người khiếm thính Hải Phòng, Hội người mù Lâm Đồng... Những tổ chức này gồm các thành viên có cùng một dạng tật. Họ hiểu nhu cầu của nhau và có cùng chung nguyện vọng và mục đích hoạt động nên dễ thống nhất, gắn bó lâu bền.

Nhóm/Hội đa tật: gồm NKT các dạng khác nhau, ví dụ: Hội NKT xã Vĩnh Tú, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị. Hội gồm NKT về vận động, người bị hành vi bất thường (tâm thần), người bị động kinh, cha mẹ TKT... Ngoài ra còn nhiều tổ chức khác nữa. Các tổ chức này gồm NKT khác nhau nên có tiếng nói đại diện cho toàn bộ NKT ở một địa phương. Họ hiểu nhu cầu, năng lực và nguyện vọng của mọi NKT. Năng lực của Hội cũng mạnh hơn do liên kết được nhiều thành viên. Tuy nhiên, thành lập Hội cần vận động lâu hơn, ý kiến và nguyện vọng của hội viên đôi khi khó thống nhất...

4.2. ý nghĩa của nhóm tự lực/Hội người khuyết tật đối với người khuyết tật

Tổ chức của NKT hay của cha mẹ TKT nếu có tổ chức tốt, hoạt động năng nổ, và nhiều sáng kiến có thể phát huy thế mạnh của một tổ chức, thực hiện được nhiều hoạt động sau:

- **Giúp đỡ lẫn nhau, giao lưu và chia xẻ**
  Các hội viên của Hội gặp nhau và trao đổi tâm tư tình cảm, động viên lẫn nhau, dưới một mái nhà chung đồng cảm, NKT kết bạn, trở nên thân thiết với nhau, là chỗ dựa về tình cảm, quyền lợi khi khó khăn. Hội trở thành chỗ dựa vững chắc về tinh thần, là người bảo vệ quyền lợi của NKT khi có gì đó khúc mắc.
- **Giúp NKT vượt qua mặc cảm, trở ngại về tâm lý, tự tin hội nhập xã hội**
  Bằng những tấm gương NKT vượt khó vươn lên và thành đạt trong cuộc sống, các hội viên tự tin hơn, tự mình vượt qua trở ngại trong cuộc sống. Họ tự lập, không trông chờ, ỷ lại. Nhờ tổ chức tự lực, các hội viên trở nên tự tin và yêu đời hơn, không còn mặc cảm vì khuyết tật của bản thân.
- **Phát triển kinh tế cho hội viên**
  Đại diện cho các hội viên, tổ chức của NKT có thể liên hệ với các cơ quan,

tổ chức trong và ngoài nước tìm kiếm nguồn vốn vay. Thông thường, vay vốn cần có thế chấp tài sản hoặc tín chấp nhờ sự bảo lãnh của một tổ chức. Phần lớn gia đình NKT là các hộ nghèo, nên sự bảo lãnh của Hội NKT là rất cần thiết giúp họ có thể tiếp cận các nguồn vốn vay. Hội còn có chức năng quản lý Quỹ và đề xuất cho vay lên lãnh đạo UBND xã. Chủ tịch UBND xã là người ký quyết định cho vay từ các nguồn vốn ở địa phương như quỹ Hội Nông dân, Quỹ xoá đói giảm nghèo của Hội Phụ nữ...

- **Tổ chức các hoạt động tạo việc làm, thu nhập cho NKT**
  Hội NKT có thể cùng các hội viên của mình thảo luận và tiến hành các dự án sản xuất như: chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ, làm nghề thủ công... Đặc biệt nếu địa phương có nghề truyền thống thì đó là cơ hội rất tốt để hội viên học và hành nghề ngay.

- **Bồi dưỡng năng lực cho NKT**
  - Cung cấp thông tin cho NKT: Tại cuộc họp Câu lạc bộ, Hội NKT biết thêm thông tin của các tổ chức NKT địa phương khác. Hội cũng có khả năng tài chính gửi hội viên đi tham quan học tập để học nghề hoặc sản xuất, học kinh nghiệm làm ăn...
  - Tạo cơ hội để NKT khẳng định bản thân: Nhờ sự tiến cử và tín nhiệm của tổ chức, NKT mới có cơ hội tham gia các tổ chức xã hội, các hoạt động ở địa phương.

- **Khuyến khích TKT đến trường**
  Hội có thể vận động chính quyền địa phương miễn giảm học phí và đóng góp để động viên TKT đi học. Các tổ chức của NKT có thể vận động các tổ chức xã hội ở địa phương thăm hỏi động viên, tặng quà TKT hiếu học hoặc đạt thành tích tốt. Hội NKT còn có thể can thiệp với nhà trường để thay đổi kiến trúc xây dựng ở trường để tiếp nhận TKT đến trường.

- **Các hoạt động thể thao, văn hoá văn nghệ**
  Hội có thể tổ chức các hoạt động vui chơi, thể thao, giải trí của NKT như thi đấu thể thao, cắm trại cho TKT và các hội viên khuyết tật.

Ở những nơi có chương trình PHCNDVCĐ, tổ chức của NKT có thể phát huy hơn nữa vai trò của nó thông qua những chức năng sau:

- **Quản lý điều hành các dịch vụ PHCNDVCĐ**
  Tổ chức của NKT có khả năng tham gia vào quản lý điều hành các dịch vụ PHCNDVCĐ ở mọi lĩnh vực. Ví dụ: dịch vụ y tế - phục hồi chức năng, giáo dục TKT, dạy nghề và tạo việc làm và các hoạt động khác.

- **Tư vấn**
  Tổ chức NKT có khả năng tư vấn cho lãnh đạo địa phương khi xây dựng các chính sách liên quan đến NKT và TKT. Tư vấn xuất phát từ nhu cầu, khả năng và quyền của NKT/TKT để họ tham gia bình đẳng vào đời sống xã hội.

- **Hỗ trợ cho Ban Điều hành PHCNDVCĐ ở địa phương** Đại diện của tổ chức NKT tham gia Ban Điều hành sẽ thay mặt NKT tham gia các giai đoạn lập kế hoạch, triển khai và giám sát, đánh giá các hoạt động PHCNDVCĐ. Nhờ vậy, chương trình sẽ phù hợp với nhu cầu của NKT và duy trì được thường xuyên.

  Cải thiện tiếp cận các dịch vụ PHCNDVCĐ: bằng cách hỗ trợ những hoạt động chăm sóc sức khoẻ và tập luyện, PHCN cho NKT.

  Hội NKT có nhiệm vụ động viên NKT tham gia, giúp đỡ nhau tập luyện. Hội NKT có thể lập danh sách NKT có nhu cầu được cấp phát xe lăn, các dụng cụ tập để xin các tổ chức nhân đạo hỗ trợ. Tại cuộc họp của chi Hội hàng tuần, NKT có thể trao đổi phương pháp tập luyện. NKT động viên nhau và hướng dẫn nhau tập và giám sát sự tiến bộ cho nhau.

  Tổ chức của NKT còn lập danh sách NKT và TKT có nhu cầu phẫu thuật, hay cần dụng cụ trợ giúp... Từ đó họ kêu gọi hỗ trợ của chương trình PHCNDVCĐ ở địa phương hay từ các tổ chức quốc tế...

- **Tăng cường vị thế của NKT trong cộng đồng**
  Những thành công của NKT và hoạt động của tổ chức NKT sẽ tạo cho NKT một vị thế mới trong cộng đồng. Cộng đồng hiểu hơn về khả năng của NKT, dễ chấp nhận họ hơn.

4.3. Thành phần của nhóm tự lực/ Hội người khuyết tật

Tổ chức của người khuyết tật bao gồm hội viên là:

Bản thân NKT

Thành viên gia đình NKT: khi NKT không đủ khả năng thể hiện nhu cầu, nguyện vọng của mình (ví dụ Người lớn bị thất ngôn, nói khó, bị tâm thần hoặc trẻ em bị chậm phát triển trí tuệ...) thì vợ chồng, cha mẹ hoặc người thân có thể đại diện cho NKT/ TKT tham gia Hội NKT.

Hội cha mẹ TKT có thể gồm một số tình nguyện viên hoặc nhà tài trợ.

Thành lập nhóm tự lực

- **Để lập nhóm tự lực hoặc Câu lạc bộ NKT cần tuân theo các trình tự sau**
  - Có nhóm của NKT
  - Xác định nhu cầu của nhóm và của các thành viên
  - Vận động các thành viên tham gia tổ chức
  - Bầu nhóm trưởng, tổ trưởng.
  - Có mục tiêu và chương trình hành động rõ ràng
  - Triển khai hoạt động của nhóm
  - Họp mặt, đánh giá hoạt động.
- **Chuyển nhóm tự lực thành câu lạc bộ hoặc Hội NKT**
  - Lập Ban vận động thành lập Hội (ít nhất 3thành viên)

- Ban vận động hoàn chỉnh hồ sơ xin phép thành lập hội
- Gửi hồ sơ xin phép đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Có Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- **Lễ ra mắt nhằm**
  - Phân công trách nhiệm của các thành viên
  - Bầu Ban Chấp hành
  - Thống nhất kế hoạch hành động
  - Thực hiện kế hoạch
  - Họp hành và sơ kết hoạt động

- **Các điều kiện để xin phép thành lập hội**
  - Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật, không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động với hội đã được thành lập trước đó.
  - Có điều lệ
  - Có trụ sở
  - Có đủ số hội viên tham gia

- **Hồ sơ xin phép thành lập Câu lạc bộ hoặc Hội NKT**
  - Đơn xin phép thành lập hội
  - Dự thảo điều lệ
  - Dự kiến phương hướng hoạt động
  - Danh sách những người trong ban vận động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận
  - Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu ban vận động có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
  - Các văn bản xác định về trụ sở và tài sản của hội

4.4. Duy trì hoạt động của nhóm tự lực và hội người khuyết tật

Để duy trì hoạt động của nhóm tự lực, Hội người khuyết tật cần có các điều kiện sau

- Có mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng, đáp ứng với nhu cầu của nhóm
- Có các thành viên tích cực cam kết cống hiến thời gian, công sức và nguồn lực
- Sự cam kết hỗ trợ của chính quyền địa phương
- Tạo được nguồn kinh phí của hội
- Tăng cường năng lực của các hội viên
- Gây dựng và phát triển mạng lưới, liên kết với các tổ chức của NKT các cấp trên và cùng cấp.
- Nhóm tự lực hoặc Hội NKT, hội cha mẹ TKT là một cơ cấu rất cần thiết, hỗ trợ đắc lực cho NKT về mọi mặt trong quá trình hoà nhập xã hội, đồng thời là cầu nối giữa chính quyền, xã hội với các hội viên khuyết tật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại cương Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. NXB Y học, 1993.
- Giáo trình Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng, NXB Y học, 2000.
- Trần Thị Thu Hà - Trần Trọng Hải, 2005, "Phát hiện sớm, can thiệp sớm một số dạng tàn tật ở trẻ em Việt Nam", NXB Y học.
- Biwako Mellennium Framework for Action (full text). UN ESCAP, 2002.
- Ma. Lucia Mirasol Magallona, 2005, Manual for CBR workers and Caregivers, C&E Publishing Inc.

DANH MỤC BỘ TÀI LIỆU PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Hướng dẫn triển khai thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- Đào tạo nhân lực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- Hướng dẫn cán bộ PHCNCĐ và cộng tác viên về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
- Hướng dẫn người khuyết tật và gia đình về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

20 Tài liệu kỹ thuật về PHCN cho tuyến cộng đồng sử dụng, bao gồm:

1. Phục hồi chức năng sau tai biến mạch máu não
2. Phục hồi chức năng tổn thương tuỷ sống
3. Chăm sóc mỏm cụt
4. Phục hồi chức năng trong bệnh viêm khớp dạng thấp
5. Phòng ngừa thương tật thứ phát
6. Dụng cụ phục hồi chức năng tự làm tại cộng đồng
7. Phục hồi chức năng trẻ trật khớp háng bẩm sinh
8. Phục hồi chức năng cho trẻ cong vẹo cột sống
9. Phục hồi chức năng bàn chân khoèo bẩm sinh
10. Phục hồi chức năng cho trẻ bại não
11. Phục hồi chức năng khó khăn về nhìn
12. Phục hồi chức năng nói ngọng, nói lắp và thất ngôn
13. Giao tiếp với trẻ giảm thính lực (khiếm thính)
14. Phục hồi chức năng trẻ chậm phát triển trí tuệ
15. Phục hồi chức năng trẻ tự kỷ
16. Phục hồi chức năng người có bệnh tâm thần
17. Động kinh ở trẻ em
18. Phục hồi chức năng sau bỏng
19. Phục hồi chức năng bệnh phổi mạn tính
20. Thể thao, văn hoá và giải trí cho người khuyết tật

Sản phẩm chương trình hợp tác
"Tăng cường năng lực Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng"
giữa Bộ Y tế Việt Nam và Uỷ ban Y tế Hà Lan Việt Nam

SÁCH KHÔNG BÁN

Bộ Y Tế